阴天	xiàtiān – mùa hè
春天	duī xuěrén – đắp người tuyết
刮风	dàochù – khắp nơi
变化	jìjié - mùa
一共	nuǎnhuo - ấm áp
暖和	yīgòng – tổng cộng
季节	biànhuà – thay đổi
到处	qiūtiān – mùa thu
凉快	liángkuai – mát mẻ
堆雪人	guā fēng – gió thổi
夏天	chūntiān – mùa xuân
秋天	yīn tiān – ngày âm u
冬天	qíngtiān – ngày nắng
晴天	dōngtiān – mùa đông

LIVEWORKSHEETS